TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 1 - NGHỆ AN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29- 04- 2026
(*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình)*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Phước Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Vinh và ông Nguyễn Hữu Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Nghệ An

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tú - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 95/2026/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2026/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 04 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh ngày 14/03/1977. CCCD số: 040177026106. Nơi cư trú: khối M, H, phường V, tỉnh Nghệ An; Chị T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Bị đơn: Anh Bùi Văn S, sinh ngày 06/08/1974. CCCD số: 040074021794. Nơi cư trú: khối M, H, phường V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Chị Phan Thị T và anh Bùi Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/1995, qua quá trình chung sống được 11 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh Bùi Văn S đi xây dựng gia đình mới. Nay tình cảm vợ chồng

không còn nữa. Nên chị Phan Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Bùi Văn S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh S có 02 con chung là Bùi Anh T1, sinh ngày 17/7/1996 và Bùi Thị T2, sinh ngày 20/12/1999. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành có cuộc sống và gia đình riêng ổn định nên chị Phan Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Phan Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Bùi Văn S trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến trình bày.

Hiện tại, vì lí do công việc kinh doanh nên chị T không thể tham gia phiên tòa. Do đó, chị đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị.

Bị đơn anh Phan Văn S1 vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình tố tụng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại kết quả xác minh đăng ký kết hôn của bà T, ông S1 tại UBND phường T và UBND phường V thể hiện: Hồ sơ sổ sách hiện lưu trữ tại UBND có thông tin của chị Phan Thị T, sinh năm 1977 và anh Bùi Văn S, sinh năm1974 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01 do UBND xã Đ, thành phố V (nay là phường T) cấp ngày 24/11/1995. Tại kết quả xác minh tại Công an phường V thể hiện: Tra cứu trên dữ liệu dân cư cho thấy chị Phan Thị T, sin năm 1977 và anh Bùi Văn S, sinh năm 1974 có hộ khẩu thường trú tại khối M, H, phường V, tỉnh Nghệ An; anh S không có thông tin cắt chuyển hộ khẩu đi nơi khác và không có thông tin xuất cảnh.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự; Việc thu thập chứng cứ và xét xử vụ án vắng mặt các đương sự bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T; Về quan hệ hôn nhân: Cho chị

Phan Thị T được ly hôn anh Bùi Văn S; Về con chung: Chị Phan Thị T và anh Bùi Văn S có 02 con chung, nhưng hiện nay các con đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, anh Bùi Văn S không có ý kiến dành quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu; Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết "Ly hôn" với bị đơn. Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại khối M - H, phường V, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Nghệ An theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục hòa giải và sự vắng mặt của đương sự: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn anh Bùi Văn S vắng mặt. Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh S vẫn cố tình vắng mặt, đến ngày xét xử anh S vẫn vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, việc anh Bùi Văn S vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn chị Phan Thị T, do công việc nên chị không chủ động được thời gian, việc về tham gia phiên tòa là khó khăn nên chị không tham gia phiên tòa được và đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 207; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh S.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Bùi Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/1995, qua quá trình chung sống được 11 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh Bùi Văn S đi xây dựng gia đình mới. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa chị Phan Thị T làm đơn ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Bùi Văn S để ổn định cuộc sống. Xét thấy, hôn nhân giữa chị chị Phan Thị T và anh Bùi Văn S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị Phan Thị T về việc giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn S,.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Phan Thị T và anh Bùi Văn S có 02 con chung là Bùi Anh T1, sinh ngày 17/7/1996 và Bùi Thị T2, sinh ngày 20/12/1999. Hiện nay các con chung đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành, sống tự lập. Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, anh Bùi Văn S không có ý kiến, dành quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 37; Điều 40; Điều 147; Điều 273; Điều 469; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T3

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn anh Bùi Văn S;

2. Về con chung:Con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Phan Thị T không yêu cầu, anh S không có ý kiến nên Tòa án không giải quyết; dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị T phải chịu án 300.000 đồng phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lại thu số 0000881 ngày 04/02/2026 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Phan Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị T và anh Bùi Văn S đều vắng mặt tại phiên toà nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm theo quy định ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1;
- Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Vinh Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Phước Linh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Phước Linh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1;
- UBND xã Nghi Lộc;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Phước Linh